

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HS-ST

Ngày: 10/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy

Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1982 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn CL, xã GK, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; vợ là Bùi Thị T3, bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 30/12/2007, Công an huyện Gia Lộc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Văn T về hành vi đánh nhau. Ngày 04/01/2008, T chấp hành xong.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HS-ST ngày 21/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt T 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. T chấp hành xong bản án ngày 26/01/2019.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/10/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. NGUYỄN VĂN P, sinh năm 1971 tại huyện G, tỉnh Hải Dương; Hộ khẩu

thường trú: thôn ĐC, xã B, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn TL, xã B, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân P1 và bà Vũ Thị P2; vợ là Nguyễn Thị P3, bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/10/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: thôn ĐC, xã B, huyện G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn TL, xã B, huyện G, tỉnh Hải Dương.

** Người làm chứng:*

- Anh Phạm Công H1, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn CL, xã GK, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Hoàng Đức H2, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn CD, xã GK, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn BĐ, xã GK, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Chị Lò Thị H4, sinh năm 1991, địa chỉ: BT, xã CN, huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Chị Hoàng Thị H5, sinh năm 1990, địa chỉ: BC, xã CD, huyện YC, tỉnh Sơn La.

- Chị Lò Vy H6, sinh ngày 08/3/2008, địa chỉ: Bản BX, xã CP, huyện YC, tỉnh Sơn La.

- Chị Bùi Thị H7, sinh năm 1973, địa chỉ: Khu 6, thị trấn X, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 07/10/2022, Nguyễn Văn T mua 02 viên ma túy kẹo (MDMA) và một túi ma túy Ketamine với số tiền 1.000.000 đồng của một nam thanh niên không quen biết tại khu vực 559, thành phố H, tỉnh Hải Dương. T cất giấu số ma túy mua được vào trong túi quần đang mặc đi về. Đến trưa cùng ngày, T cùng anh Phạm Công H1, anh Hoàng Đức H2, đến nhà anh Nguyễn Văn H3 uống rượu cùng với một số người nữa. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì một số người đi về còn T, anh H1, anh H2 ở lại hát karaoke cùng với anh H3 tại nhà anh H3. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày T rủ anh H3, anh H2 và anh H1 đi ra

quán thuê phòng hát karaoke và gọi nhân viên nữ hát cùng. Anh H3, anh H1 đồng ý và mỗi người đưa cho T 400.000 đồng để góp trước tiền hát, thừa thiếu thế nào khi về sẽ tính sau. Anh H2 ban đầu từ chối và bảo không có tiền. T với anh H3 bảo cứ đi hát đã, về hết bao nhiêu tiền thì chia nhau, trả sau cũng được thì anh H2 đồng ý. T bảo anh H1, anh H2, anh H3 đi trước đến phòng trà Thu P3 ở xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương còn T về qua nhà có việc sẽ đến sau. T về nhà thay áo cũ bị bẩn xong thì đi đến phòng trà Thu P3. Anh H2, anh H3 và anh H1 đi đến phòng trà Thu P3 hỏi thuê phòng hát thì chủ quán không cho thuê phòng. Khi T đến, biết không thuê được phòng hát, T bảo với anh H3, anh H1, anh H2 đợi để T đi tìm thuê ở chỗ khác. Sau đó, T đi một mình đến quán karaoke M (Cơ sở này có Giấy phép kinh doanh Karaoke số: 04G800000031, đăng ký lần đầu ngày 22/10/2015, đứng tên hộ kinh doanh là bà Nguyễn Thị P3, sinh năm: 1975 có HKTT: Thôn ĐC, xã B, huyện G, tỉnh Hải Dương) thì gặp bà P3 đang ở quán một mình. T vào hỏi bà P3 cho thuê một phòng để hát karaoke thì bà P3 đồng ý. T lấy điện thoại gọi cho anh H3 và bảo đi đến quán karaoke M, T đã thuê được phòng, cùng lúc này anh H3, anh H1, anh H2 cũng đi đến, mọi người cùng cất xe máy vào nhà kho ở bên cạnh quán. Cất xe xong mọi người đi vào ngồi ở bàn uống nước kê ở sân quán, cùng lúc này Nguyễn Văn P (là chồng của bà P3) đi xe máy về. T có nói chuyện với P là cho chúng em chơi 2-3 tiếng, ý T là muốn thuê phòng hát để bay lắc, sử dụng ma túy "kẹo" và "ke", P hiểu ý T vì cho thuê phòng hát để sử dụng ma túy sẽ thu tiền cao hơn nên đồng ý rồi dẫn anh H2, anh H1, anh H3 đi ra phía sau nhà, mở cửa phòng hát ở cuối dãy, rồi bật hệ thống điện, âm thanh trong phòng. Sau đó, P đi ra thì gặp T vẫn đang đứng ở sân nên đứng nói chuyện với T, T bảo P lấy cho mượn cái đĩa. Do trước đó T cũng đã từng đến thuê phòng hát của P để sử dụng ma túy vài lần và cũng đã bảo P cho mượn đĩa nên P biết việc T hỏi mượn đĩa sử dụng ma túy, P đồng ý. T đi vào phòng, còn P đi sang nhà kho bên cạnh lấy 01 đĩa sử hình tròn màu trắng rồi mang chiếc đĩa sử này cùng với thùng đá, đĩa hoa quả vào để ở mặt bàn trong phòng hát. Một lúc sau, T đi ra ngoài gọi điện cho chị Bùi Thị H7 là chủ quán phòng trà Thu P3 bảo cho thuê nhân viên nữ đến phục vụ hát karaoke ở quán P thì chị H7 không đồng ý và nói P bảo thì cho thuê. Lúc này T đưa điện thoại cho P nhờ P nói chuyện với chị H7 thì chị H7 đồng ý cho nhân viên đến phục vụ. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đi quay lại vào phòng hát rồi lấy ra một túi nilon màu trắng đựng 02 viên ma túy kẹo dạng viên nén màu xám và một túi nilon màu trắng đựng ma túy Ketamine mang theo trong người từ trước bỏ ra bàn. T lấy 02 viên ma túy kẹo, mỗi viên bẻ làm đôi đưa cho anh H3, anh H2, anh H1 mỗi người một nửa viên bảo sử dụng, T cũng uống nửa viên còn lại. T, H3, H2, H1 sử dụng ma túy kẹo xong thì mở nhạc sàn rồi ngồi nghe nhạc. Một lúc

sau, T định bỏ ma túy ketamine ra “xào” thì thấy không có thể nên T đi ra ngoài gặp P nhờ P để lấy hộ T chiếc thẻ ngân hàng T để trong cốp xe máy. P đồng ý, đi ra mở khóa cửa nhà kho bên cạnh quán rồi vào mở cốp xe của T cầm chiếc thẻ ATM ngân hàng BIDV đi vào bên trong quán đưa cho T. T lấy chiếc đĩa sứ do P mang vào lúc trước để “xào” ma túy Ketamine. T dùng chiếc bật lửa màu đỏ có sẵn ở trong phòng hơi ở dưới đĩa để làm nóng đĩa. Khi thấy đĩa đủ ấm thì T đổ hết số ma túy Ketamine trong túi nilon ra mặt đĩa rồi dùng thẻ ATM để đảo và nghiền Ketamine thành dạng bột mịn. “Xào ke” xong T lấy tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn lại và dùng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá để bọc cố định tờ tiền này làm ống hút để sử dụng ma túy Ketamine. T dùng thẻ ATM kẻ ma túy Ketamine thành các đường thẳng nhỏ trên mặt đĩa rồi lấy ống hút đã làm hít vào mũi 02 đường ma túy Ketamine trên đĩa. Sau đó T đưa đĩa ma túy cho anh H3, anh H2, anh H1 cùng sử dụng bằng cách hít Ketamine vào mũi, rồi tất cả tiếp tục ngồi nghe nhạc. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, có 03 nhân viên từ phòng trà Thu P3 đến để phục vụ phòng hát của T gồm: Lò Thị H4, sinh năm 1991, HKTT: BT, xã CN, huyện TC, tỉnh Sơn La; Hoàng Thị H5, sinh năm: 1990, HKTT: BC, xã CĐ, huyện YC, tỉnh Sơn La; Lò Vy H6, sinh ngày 08/3/2008, HKTT: Bản BX, xã CP, huyện YC, tỉnh Sơn La (tên tự khai khi kiểm tra là Quách Anh H8, sinh năm: 2003; HKTT: Bản N, xã CV, huyện YC, tỉnh Sơn La), H4, H5 và H6 hiện đều đang cư trú tại thôn E, xã GT, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi 03 nhân viên nữ vào phòng, T có mời 03 nhân viên này sử dụng ma túy ketamine ở trên đĩa nhưng 03 người này từ chối, không dùng. Một lúc sau, anh H3 có việc nên đi về trước. T, H1, H2 tiếp tục sử dụng ma túy Ketamine và cùng H4, H5, H6 nghe nhạc trong phòng hát.

Hồi 19 giờ 20 phút cùng ngày, tổ công tác của Công an huyện Gia Lộc phối hợp cùng Công an xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc kiểm tra cơ sở kinh doanh karaoke M đã phát hiện tại phòng hát đang hoạt động có nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy nên lập biên bản vụ việc, thu giữ những đồ vật, tài liệu liên quan, gồm:

- Thu giữ trên bàn:

- + 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn, đường kính 26,5 cm, dưới đáy đĩa ghi chữ Long Phương, thu giữ chất bột mịn màu trắng trên mặt đĩa sứ gói vào trong 01 một mảnh giấy màu trắng và niêm phong gói giấy này trong túi niêm phong mã số NS4. 2120919.

- + 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Văn T; 01 ống hút được cuộn tròn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, cố định bằng ba vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 túi nilon nhỏ màu trắng kích thước khoảng 02 x 2,5 cm và thu tại vị trí dưới nền phòng hát karaoke gần máy bấm bài hát 01 túi nilon màu trắng, kích thước

khoảng 05cm x 8,5cm, tiến hành niêm phong chung trong túi niêm phong mã số NS1.2105228.

- Thu giữ 01 bật lửa ga màu đỏ, bên trên có ghi nhãn hiệu Hoa Việt ở trên mặt bàn.

Tại Kết luận giám định số 537/KL-KTHS ngày 10/10/2022, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Chất bột màu trắng trong gói giấy màu trắng được niêm phong trong túi nilon mã số: NS4.2120919, gửi đến giám định có khối lượng là 0,358g là ma túy, loại Ketamine.

- Chất bột màu trắng bám dính trên mặt đĩa sứ, thẻ ngân hàng, bên trong ống hút và 02 túi nilon được niêm phong trong túi nilon mã số NS1.2105228, gửi đến giám định là ma túy loại Ketamine. Lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Kết quả xét nghiệm ma túy đối với Nguyễn Văn T, Hoàng Đức H2, Phạm Công H1, có kết quả xét nghiệm dương tính với MDMA và Ketamine. Lò Vy H6 có kết quả dương tính với MDMA. Lò Thị H4, Hoàng Thị H5, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị P3 có kết quả âm tính với ma túy. Nguyễn Văn H3 có kết quả xét nghiệm nước tiểu và xét nghiệm máu đều âm tính với ma túy, tuy nhiên H3 trình bày có sử dụng ma túy loại MDMA và Ketamine, sau khi sử dụng ma túy thì H3 có bị nôn ra.

Kiểm tra tình trạng nghiện đối với Hoàng Đức H2, Phạm Công H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H3 thì đều không nghiện ma túy.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 túi niêm phong mã số NS3A 076690 bên trong có: 0,271 gam ma túy loại Ketamine được hoàn lại sau giám định, 01 mảnh giấy màu trắng và 01 vỏ túi nilon niêm phong mẫu vật mã số NS4.2120919.

- 01 túi niêm phong mã số NS1.1909704 bên trong có: 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, dưới đáy đĩa ghi chữ Long Phương, 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Văn T, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá, 02 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ túi nilon niêm phong mẫu vật mã số NS1.2105228.

- 01 bật lửa gas đã qua sử dụng có vỏ màu đỏ, bên trên có ghi nhãn hiệu Hoa Việt.

- 01 túi niêm phong mã số NS1.2105236 bên trong có 01 đầu ghi hình của hệ thống camera do bà Nguyễn Thị P3 giao nộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gia Lộc đã nhập kho vật chứng Công an huyện Gia Lộc những vật chứng trên.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 25/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân

huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, truy tố Nguyễn Văn P về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo P phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/10/2022. Xử phạt bị cáo P từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/10/2022. Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 túi niêm phong mã số NS3A 076690 bên trong có: 0,271 gam ma túy loại Ketamine được hoàn lại sau giám định, 01 mảnh giấy màu trắng và 01 vỏ túi nilon niêm phong mẫu vật mã số NS4.2120919; 01 túi niêm phong mã số NS1.1909704 bên trong có: 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Văn T, 03 vỏ đầu lọc thuốc lá, 02 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ túi nilon niêm phong mẫu vật mã số NS1.2105228; 01 bật lửa gas đã qua sử dụng có vỏ màu đỏ, bên trên có ghi nhãn hiệu Hoa Việt. Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn thành ống hút được đựng trong túi niêm phong mã số NS1.1909704. Trả lại cho bị cáo P và bà P3 01 đầu ghi hình của hệ thống camera được đựng trong 01 túi niêm phong mã số NS1.2105236.

Về án phí: Buộc các bị cáo T, P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau

cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo T, P tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 07/10/2022, tại quán karaoke M của Nguyễn Văn P thuộc thôn TL, xã B, huyện G, tỉnh Hải Dương, P biết Nguyễn Văn T, Phạm Công H1, Hoàng Đức H2 và Nguyễn Văn H3 là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nhưng P vẫn cho thuê phòng hát để T, H1, H2 và H3 sử dụng trái phép chất ma túy. T có hành vi cung cấp ma túy loại MDMA và Ketamine, chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy cho H1, H2, H3 và T sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, khi T, H1, H2 vẫn đang sử dụng ma túy (H3 đi về trước) thì bị lực lượng Công an phát hiện, thu giữ vật chứng gồm 0,358 gam ma túy loại Ketamine chưa sử dụng hết cùng bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy và 02 vỏ túi nilon T dùng để đựng ma túy.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, làm ảnh hưởng rất lớn tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây nên sự bức xúc trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cung cấp ma túy loại MDMA và Ketamine, chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy cho H1, H2, H3 là vi phạm pháp luật, do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho T, H1, H2, Thức sử dụng ma túy trong phòng thuộc quyền quản lý của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhằm được hưởng lợi từ việc cho thuê phòng.

Bị cáo P cho 4 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt là “Đối với 02 người trở lên” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo T, P về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo P có bổ đề được tặng huân chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu. Bị cáo T đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau (đã được xóa) và bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích).

[4] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian thích hợp để Nhà nước giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, P không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Số ma túy hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 mảnh giấy màu trắng, 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, dưới đáy đĩa ghi chữ Long Phương, 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Văn T, 02 vỏ túi nilon màu trắng, 01 bật lửa gas đã qua sử dụng có vỏ màu đỏ, bên trên có ghi nhãn hiệu Hoa Việt là công cụ phạm tội, không còn giá trị; các vỏ túi niêm phong không còn giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá, xét thấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng là đồ vật các đối tượng dùng để sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu,

sung ngân sách Nhà nước; 03 vỏ đầu lọc thuốc lá là vật không có giá trị nên cần tịch thu, tiêu hủy.

01 đầu ghi hình của hệ thống camera do bà Nguyễn Thị P3 giao nộp không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo P và bà P3.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016..

[8] Về nguồn gốc ma túy, Nguyễn Văn T khai mua của một nam thanh niên không quen biết tại khu vực 559, thành phố Hải Dương, quá trình điều tra không xác định được người này là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Phạm Công H1, Hoàng Đức H2, Nguyễn Văn H3 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Chủ tịch UBND huyện Gia Lộc đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H1, H2, H3 theo quy định.

Đối với Lò Vy H6 có kết quả xét nghiệm dương tính với MDMA, tuy nhiên H6 không sử dụng ma túy vào ngày 07/6/2022 tại phòng hát ở quán karaoke M. H6 trình bày trước đó có tham gia sinh nhật của một người bạn quen qua facebook, không rõ tên tuổi, địa chỉ và có uống nước cô-ca tại buổi sinh nhật này, sau đó bị chóng mặt nên nghĩ là trong nước cô-ca trên có chứa chất ma túy. Bản thân H6 không rõ địa chỉ nơi tổ chức sinh nhật. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với Lò Vy H6.

Quá trình điều tra, T và P còn khai nhận trước đó T có sử dụng ma túy trong phòng hát quán karaoke M, tuy nhiên không rõ vào thời gian nào, không rõ diễn biến, cách thức sử dụng nên không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị P3 là người đại diện hộ kinh doanh của quán karaoke M tuy có mặt tại quán karaoke khi xảy ra sự việc nhưng không biết việc các đối tượng thuê phòng để sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý. Tuy nhiên, quán karaoke M hoạt động khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự là vi phạm điểm a khoản 4 Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Chủ tịch UBND huyện Gia Lộc đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà P3 theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/10/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 13/10/2022.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 túi niêm phong mã số NS3A 076690 bên trong có: 0,271 gam ma túy loại Ketamine được hoàn lại sau giám định, 01 mảnh giấy màu trắng và 01 vỏ túi nilon niêm phong mẫu vật mã số NS4.2120919.

+ 01 túi niêm phong mã số NS1.1909704 bên trong có: 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng, 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Văn T, 03 vỏ đầu lọc thuốc lá, 02 vỏ túi nilon màu trắng và 01 vỏ túi nilon niêm phong mẫu vật mã số NS1.2105228.

+ 01 bật lửa gas đã qua sử dụng có vỏ màu đỏ, bên trên có ghi nhãn hiệu Hoa Việt.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn thành ống hút được đựng trong túi niêm phong mã số NS1.1909704.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị P3 01 đầu ghi hình của hệ thống camera được đựng trong 01 túi niêm phong mã số NS1.2105236.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc ngày 29/11/2022).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Gia Lộc;
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Gia Lộc;
- Đội THAHS-Công an huyện Gia Lộc;
- Bộ phận HSNVCS- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh